

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Vũ Thị Hải*, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Văn Phương

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: vuhaike@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 06.07.2021

Ngày chấp nhận đăng: 09.12.2021

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng, nhận diện những sai sót, hạn chế tồn tại trong công tác kế toán tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục, như "bài học" cho các hợp tác xã khác trong và ngoài tỉnh. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu từ mẫu khảo sát 58 hợp tác xã trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (i) Đội ngũ kế toán hợp tác xã chủ yếu còn kiêm nhiệm, tỉ lệ chưa qua đào tạo vẫn còn cao; (ii) Kế toán chưa cập nhật hoặc áp dụng chưa đầy đủ, đúng mẫu các quy định hiện hành về báo cáo tài chính; (iii) Một số nghiệp vụ kế toán không được ghi nhận, hoặc trình bày chưa đúng một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; (iv) Công tác kiểm tra, kiểm soát hợp tác xã còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả. Trong thời gian tới về phía hợp tác xã và các đơn vị hỗ trợ cần tập trung vào nâng cao năng lực điều hành bằng tăng cường tập huấn, đào tạo về công tác kế toán, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ và ưu tiên các đối tượng chuyên môn trong các hợp tác xã.

Từ khóa: Công tác kế toán, hợp tác xã nông nghiệp, An Giang.

Accounting Situation in Agricultural Cooperatives in An Giang Province

ABSTRACT

The study described the current status of accounting activities in agricultural cooperatives and identified errors and shortcomings existing in the accounting activities of those cooperatives, thereby proposed remedial solutions as "lessons" for other cooperatives inside and outside the province. The survey was conducted on 58 agricultural cooperatives in An Giang province. The research results showed that (i) the cooperatives' accountants were mainly part-time, the rate of untrained was still high; (ii) accounting documents has not updated or applied incompletely and in accordance with the current regulations on financial report; (iii) some accounting operations were not recorded, information was omitted or some items were incorrectly presented in the financial report; (iv) the inspection and control of cooperatives was still formal and ineffective. In order to overcome these shortcomings, cooperatives and supporters need to focus on improving management capacity and strengthening training more on accounting activities, development of business and production plans, market access, knowledge and practice of financial management, internal control, and prioritization of specialized people in the cooperatives.

Keywords: Accounting activities, agricultural cooperatives, An Giang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hợp tác xã (HTX) là một thành tố không thể thiếu trong chuỗi sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững; phát triển cộng đồng bảo đảm an sinh xã hội (UNDP, 2012). Thông qua HTX, các hộ nông dân, doanh nghiệp nhỏ có thể hợp tác, liên kết lại với nhau nhằm tăng sức mạnh để đối phó với

những khó khăn và thách thức, hạn chế những rủi ro xảy ra của cơ chế thị trường (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2020). Theo thống kê, cuối năm 2019, cả nước có khoảng 24.448 HTX, chiếm 62,2% tổng số HTX nông nghiệp (Đào Thế Anh & Lê Thành Ý, 2020), doanh thu bình quân của một HTX đạt 3,37 tỷ đồng/năm, lãi bình quân là 248 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một lao động là 44 triệu đồng/người. Tuy nhiên, số

lượng các HTX hoạt động có hiệu quả được đánh giá chưa nhiều, trong đó, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những khó khăn, bất cập liên quan tới công tác kế toán, quản lý tài chính tại các HTX như: thành viên HTX chưa đóng hoặc đóng chưa đủ vốn điều lệ theo quy định, không rõ ràng về tài sản, thiếu vốn hoạt động, hay việc phân phối lợi nhuận chưa hợp lý (Mai Anh Bảo, 2015), các khó khăn trong tổ chức công tác kế toán (Đoàn Thị Hân, 2020).

An Giang là một trong những tỉnh có dân số đông nhất Vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long, 32,86% cơ cấu kinh tế của tỉnh từ nông, lâm nghiệp và thủy sản. Hiện tỉnh có diện tích trồng lúa lớn nhất khu vực phía Nam, với các mô hình HTX nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và đa lĩnh vực, thời gian hoạt động trung bình của HTX đến khoảng 15 năm. Toàn tỉnh, năm 2019, có 198 HTX hoạt động trong 6 lĩnh vực, trong đó HTX nông nghiệp chiếm nhiều nhất, 69,7%, tương ứng 138 HTX (Hạnh Châu, 2019). Năm 2020 An Giang thành lập mới 83 HTX nông nghiệp, 1 liên hiệp HTX trong lĩnh vực trồng trọt. Tuy nhiên, phần lớn tổ chức HTX có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều và có những khó khăn tương tự như các HTX trong cả nước (Báo Nông nghiệp, 2020). Đặc biệt công tác quản trị, điều hành HTX theo Luật HTX năm 2012 còn nhiều vướng mắc, sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức HTX với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu, tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỉ lệ đóng góp vào GRDP của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu. Trong đó, nổi lên là công tác quản lý tài chính và kế toán tại các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đang được đánh giá là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, tiếp cận các nguồn hỗ trợ của HTX.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng công tác kế toán tài chính tại các HTX nông nghiệp ở tỉnh An Giang, từ đó chỉ ra các sai sót điển hình là bài học cho các HTX nông nghiệp khác góp phần hoàn thiện hơn năng lực quản lý tài chính nói chung, công tác kế toán tài chính nói riêng cho loại hình tổ chức này. Kết quả nghiên cứu sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ công tác kiểm tra, kiểm

soát, kiểm toán trong HTX và cho các nghiên cứu tiếp theo.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát các HTX nông nghiệp ở 6 huyện, thành phố (Long Xuyên, An Phú, Thoại Sơn, Phú Tân, Chợ Mới và Tân Châu) trên địa bàn tỉnh An Giang và chọn ngẫu nhiên HTX trên danh sách tham vấn về các HTX nông nghiệp còn hoạt động do Liên minh HTX tỉnh An Giang cung cấp. Tổng số mẫu phỏng vấn là 58 HTX nông nghiệp được chia làm ba nhóm dựa vào ngành nghề hoạt động của HTX, trong đó nhóm 1 là các HTX chuyên về dịch vụ bơm tưới (thủy lợi), nhóm 2 là các HTX có cả hoạt động sản xuất, chế biến; nhóm 3 là nhóm các HTX tổng hợp kinh doanh từ 2 nhóm ngành nghề trở lên gồm cả bơm tưới, làm đất, tín dụng nội bộ, cung ứng vật tư nông nghiệp... (Bảng 1).

2.2. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp: Thông qua phỏng vấn đại diện HTX nông nghiệp ở tỉnh An Giang trên cơ sở bảng hỏi được thiết kế sẵn, trong đó tập trung vào các dữ liệu về tổ chức công tác kế toán, thực trạng kiểm tra, kiểm soát tài chính kế toán, tình hình tài sản, tài chính, vốn, kết quả hoạt động, phân phối lợi nhuận của HTX, thời gian thực hiện tháng 11/2019, được tài trợ bởi DGRV trong dự án khảo sát hoạt động của HTX ở Việt Nam.

Dữ liệu thứ cấp: Gồm các báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động của các HTX nông nghiệp từ Liên minh HTX tỉnh và từ các HTX; các BCTC của các HTX này từ 2016-2018. Trong 58 HTX nông nghiệp được phỏng vấn, chỉ có 44 HTX (75,9%) đã cung cấp đầy đủ các BCTC và các thông tin sâu hơn về công tác kế toán của HTX. Vì vậy, trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá công tác tài chính kế toán trên cơ sở rà soát, đánh giá các BCTC năm 2016, 2017, 2018 được cung cấp bởi 44 HTX nông nghiệp ở tỉnh An Giang.

Bảng 1. Số lượng các hợp tác xã khảo sát phân theo nhóm ngành

| Loại hình HTX | Số mẫu (HTX) | Tỉ lệ (%) |
|---------------------|--------------|-----------|
| Dịch vụ tưới tiêu | 21 | 36,2 |
| Sản xuất - chế biến | 6 | 10,3 |
| Đa lĩnh vực | 31 | 53,4 |
| Tổng số mẫu | 58 | 42,03%* |

Ghi chú: *: Tỉ lệ % so với tổng số HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

2.3. Phân tích, so sánh

Việc phân tích, đánh giá được tiến hành dựa trên đối chiếu biểu mẫu, chỉ tiêu trên các BCTC với mẫu biểu, chỉ tiêu theo quy định hiện hành, nhằm đánh giá sự đầy đủ, phù hợp và nhất quán của báo cáo. Các khoản mục trong từng báo cáo và giữa các báo cáo với nhau được rà soát, kiểm tra sự khớp đúng. Sai phạm trong nguyên tắc kế toán cũng được rà soát. Từ đó, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích và đánh giá những ảnh hưởng của hạn chế để đề xuất biện pháp khắc phục.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình cơ bản của các HTX điều tra

Các HTX ở An Giang thành lập chủ yếu giai đoạn trước năm 2013, trước thời điểm luật HTX năm 2012 có hiệu lực (chiếm đến 77,6%), đây là những HTX chuyển đổi từ mô hình kiểu cũ sang, chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp. Ngành nghề hoạt động của các HTX khá đa dạng, xoay quanh lĩnh vực nông nghiệp từ cung ứng dịch vụ đầu vào, bơm tiêu, làm đất, tín dụng nội bộ đến hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đầu ra (với các HTX nông nghiệp), sản xuất, chế biến. Trung bình mỗi HTX hoạt động từ 2 nhóm ngành nghề trở lên, cá biệt có HTX hoạt động 11 ngành nghề. Tuy nhiên, tỉ lệ HTX chỉ cung cấp dịch vụ tưới tiêu cũng khá nhiều (36,2%), trong khi số lượng HTX có hoạt động chế biến hiện vẫn còn khá khiêm tốn (3,4%).

Số lượng thành viên của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh khá đông, trung bình 99 thành viên/HTX (Bảng 2), có những HTX cung ứng dịch vụ nông nghiệp số lượng thành

viên lên đến hơn 470, họ đồng thời cũng là khách hàng sử dụng dịch vụ của HTX. Chỉ có một số HTX mới thành lập giai đoạn 2017-2019 số lượng thành viên ít.

Đội ngũ trong ban lãnh đạo HTX gồm hội đồng quản trị, ban giám đốc độ tuổi trung bình đều trên 50, có những người đến 64 tuổi vẫn làm quản lý, mặc dù kinh nghiệm quản lý có thể xem là tốt, nhưng khả năng tiếp cận thị trường, thích ứng với các thay đổi về kỹ thuật, công nghệ sẽ hạn chế hơn những người trẻ. Mặt khác, những người được xem là “có kinh nghiệm” thường khó thay đổi “tư duy quản lý” và “ngại thay đổi, đổi mới” hơn những người trẻ. Đây cũng là một hạn chế lớn ở các HTX nông nghiệp chuyển đổi (từ mô hình cũ sang) trên địa bàn tỉnh An Giang. Ngoài ra, có đến 39,7% số HTX có chủ tịch hội đồng quản trị kiêm nhiệm giám đốc HTX, điều này cũng dẫn đến những bất cập trong kiểm soát, quản lý tài chính tại HTX.

3.2. Đánh giá thực trạng công tác kế toán, tài chính tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

3.2.1. Tình hình tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán là việc phân công cho các cá nhân phụ trách các công việc khác nhau trong bộ phận kế toán nhằm đảm bảo việc thu thập, xử lý, ghi chép, báo cáo, phân tích và cung cấp các thông tin kế toán một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác cho đơn vị và các đối tượng có liên quan. Chất lượng, trình độ và việc phân công người phụ trách công tác kế toán sẽ quyết định đến chất lượng công tác kế toán của mỗi đơn vị (Nguyễn Văn Hòa, 2020). Tại An Giang, hầu hết các HTX nông nghiệp trên địa bàn đều có phân công người phụ trách công tác kế toán,

tỉ lệ HTX không có người phụ trách công tác kế toán chiếm 12,1%. Trung bình mỗi HTX có một người phụ trách công tác kế toán, tuy nhiên đại đa số là kiêm nhiệm các vị trí khác như thủ quỹ, bán hàng, kho... hay kế toán cho đơn vị khác, tỉ lệ HTX có người chuyên trách công tác kế toán, không kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác chỉ chiếm dưới 10%. Việc kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, thậm chí cả những công việc khác ngoài công

việc của HTX dẫn đến khả năng sai sót trong quá trình thực hiện công tác kế toán tại HTX cũng sẽ cao hơn.

Người phụ trách công tác kế toán trong các HTX nông nghiệp ở An Giang được đào tạo chuyên môn về kế toán trong đó có cả đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa tập huấn ngắn hạn chiếm tỉ lệ gần 57%, tỉ lệ chưa qua đào tạo vẫn còn khá cao.

Bảng 2. Tình hình cơ bản của các hợp tác xã nông nghiệp ở An Giang (2019)

| Tiêu chí | Trung bình | Lớn nhất | Nhỏ nhất |
|---|------------|----------|----------|
| Số năm thành lập (năm) | 15,9 | 30 | 2 |
| Số thành viên HTX | | | |
| Lúc mới thành lập (người) | 72,1 | 482 | 7 |
| Hiện nay (người) | 99,4 | 471 | 7 |
| Ban lãnh đạo/bộ máy quản lý (người) | | | |
| Hội đồng quản trị | | | |
| Số lượng (người) | 3,9 | 8 | 1 |
| Độ tuổi (tuổi) | 51,1 | 60 | 40 |
| Ban giám đốc | | | |
| Số lượng (người) | 2,4 | 6 | 1 |
| Độ tuổi (tuổi) | 50,1 | 60 | 30 |
| Ban kiểm soát | | | |
| Số lượng (người) | 1,9 | 3 | 1 |
| Độ tuổi (tuổi) | 52,9 | 72 | 33 |
| Tổng số cán bộ trong bộ máy vận hành (người) | 9 | 29 | 3 |
| Tổng tài sản, vốn bình quân/HTX (triệu đồng - năm 2018) | 1.714,4 | 8.259,7 | 117,2 |
| Tổng doanh thu bình quân/ HTX (triệu đồng - năm 2018) | | 1.928,9 | |

Bảng 3. Tổ chức bộ máy kế toán tại các hợp tác xã nông nghiệp ở An Giang (2019)

| Nội dung | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---|----------|-----------|
| Tổ chức công tác kế toán | | |
| HTX có phân công người phụ trách công tác kế toán (HTX) | 51 | 87,9 |
| Kiêm nhiệm (HTX) | 46 | 90,2 |
| Chuyên trách (HTX) | 5 | 9,8 |
| Thuê ngoài (HTX) | 7 | 12,1 |
| Người làm công tác kế toán | | |
| Số người phụ trách kế toán trung bình/HTX (người) | 1 | |
| Độ tuổi trung bình (tuổi) | 40,8 | |
| Trình độ của kế toán ở HTX (HTX) | | |
| Đại học | 17 | 29,3 |
| Ngắn hạn | 16 | 27,6 |
| Không qua đào tạo, không rõ thông tin | 25 | 43,1 |

Nhìn chung, tổ chức bộ máy kế toán trong các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang đã được coi trọng, hầu hết các HTX có người phụ trách công tác kế toán, có tổ chức hệ thống sổ sách, chứng từ, báo cáo.

3.2.2. Tình hình cập nhật và vận dụng các quy định hiện hành về kế toán

Theo quy định hiện hành, các HTX hiện nay áp dụng chế độ kế toán HTX theo thông tư số 24/2017/TT-BTC, hoặc thông tư 133/2016/TT-BTC. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát thời điểm cuối năm 2019 cho thấy: có đến 50% số HTX vẫn đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 24/2010 hoặc QĐ48/2006 đã hết hiệu lực, để hạch toán kế toán và trình bày BCTC. Thậm chí, có HTX khi lập BCTC áp dụng đồng thời cả mẫu biểu theo thông tư 24/2010 và QĐ48/2006; 18,2% số HTX lập BCTC không đầy đủ mẫu biểu bắt buộc, các HTX này thường chỉ lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02) hoặc báo cáo tình hình tài chính (B01), không lập thuyết minh BCTC (B09) và bảng cân đối tài khoản. Phần lớn sai phạm này ở các HTX đa lĩnh vực và dịch vụ tui tiêu, đây cũng là nhóm HTX có tỉ lệ nhân viên kế toán chưa qua đào tạo cao nhất trong các nhóm được khảo sát. Đây cũng là sai sót chung mà Nguyễn Thị Phương Thảo & Nguyễn Thị Yến Nhi (2019) đã chỉ ra ở các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang gặp phải trong tổ chức công tác kế toán, hay ở các HTX nông nghiệp Việt Nam nói chung hiện nay (Đoàn Thị Hân, 2020). Nhìn về mặt tích cực có thể thấy, 50% số HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã áp dụng đúng chế độ kế toán, hơn 80% số HTX lập BCTC đầy đủ mẫu biểu theo quy định, đây có thể xem là điểm tích cực trong tổ chức công tác kế toán ở các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh so với thực

trạng chung về công tác kế toán trong HTX nông nghiệp trên cả nước hiện nay.

Về vận dụng nguyên tắc kế toán: 11,4% số HTX nông nghiệp áp dụng nguyên tắc tiền mặt trong ghi nhận doanh thu thay vì nguyên tắc cơ sở dồn tích. Hầu hết sai phạm này xảy ra ở các HTX có cung ứng dịch vụ nông nghiệp, theo đó kế toán sẽ căn cứ vào thời điểm thu được tiền từ việc bán hàng, cung cấp dịch vụ để ghi nhận doanh thu trong kì. Từ đó cũng dẫn đến ghi nhận chi phí chưa phù hợp với doanh thu và ngược lại. Những ghi nhận này đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Về hệ thống chứng từ, sổ kế toán, theo báo cáo về đánh giá công tác kế toán ở các HTX nông nghiệp của Liên minh HTX tỉnh An Giang năm 2019, tình trạng các phiếu thu, phiếu chi chưa có đầy đủ chữ ký của các cá nhân có liên quan vẫn còn tồn tại. Kế toán HTX không mở các sổ theo quy định như sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu, phải trả, quỹ tiền mặt, sổ theo dõi hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu chi tiết theo từng hoạt động... Từ đó không theo dõi được chi tiết tình hình công nợ, tài sản, doanh thu, chi phí của HTX.

3.2.3. Tình hình ghi nhận và trình bày thông tin trên các báo cáo tài chính

Kết quả kiểm tra chi tiết BCTC của 44 HTX nông nghiệp cho thấy, hơn 60% số HTX hạch toán, ghi nhận các khoản mục trên BCTC đúng quy định, nội dung phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ. Số HTX lập các chỉ tiêu trên BCTC chưa đúng chiếm 36,4%, (Bảng 4), cụ thể các sai sót trên BCTC tập trung chủ yếu vào các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí trên B01, B02.

Bảng 4. Tổng hợp các sai sót chung trong áp dụng chế độ kế toán (2019)

| Vấn đề | Số hợp tác xã | | Trong đó | | |
|--|---------------|-----------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Dịch vụ tui tiêu (N = 17) | Sản xuất - Chế biến (N = 4) | Đa lĩnh vực (N = 23) |
| Áp dụng mẫu biểu không phù hợp | 22 | 50,0 | 10 | 2 | 10 |
| Số lượng biểu mẫu báo cáo không đầy đủ | 8 | 18,2 | 2 | 1 | 5 |
| Lập các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính chưa đúng | 16 | 36,4 | 7 | 2 | 7 |
| Áp dụng nguyên tắc tiền mặt trong ghi nhận doanh thu | 5 | 11,4 | 1 | 0 | 4 |

Bảng 5. Tổng hợp các sai sót liên quan đến các khoản mục trên báo cáo tài chính (2019)

| Vấn đề | Số hợp tác xã | | Trong đó | | |
|---|---------------|-----------|----------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Dịch vụ tưới tiêu (N = 17) | Sản xuất - Chế biến (N = 4) | Đa lĩnh vực (N = 23) |
| Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu | | | | | |
| Tài sản cố định và hao mòn lũy kế | 9 | 20,5 | 5 | 1 | 3 |
| Nợ phải thu, phải trả | 3 | 6,8 | 3 | | |
| Các quỹ | 7 | 15,9 | 2 | 2 | 3 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 7 | 15,9 | 3 | 2 | 2 |
| Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục doanh thu, chi phí, lợi nhuận | | | | | |
| Doanh thu và các khoản giảm trừ | 6 | 13,6 | 3 | 1 | 2 |
| Áp dụng nguyên tắc tiền mặt trong ghi nhận doanh thu | 5 | 11,4 | 1 | 0 | 4 |
| Giá vốn hàng bán | 8 | 18,2 | 4 | 2 | 2 |
| Lợi nhuận | 12 | 27,3 | 5 | 3 | 4 |
| Chi phí thuế thu nhập | 6 | 13,6 | 0 | 0 | 6 |

(1) Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu:

Theo kết quả điều tra, các HTX ghi chép, tính toán và trình bày sai các khoản mục TSCĐ, hao mòn lũy kế, công nợ, các quỹ và lợi nhuận, cụ thể: đối với khoản mục TSCĐ, có đến 20,5% các HTX trình bày sai, các lỗi tập trung chủ yếu ở việc HTX không trích khấu hao TSCĐ, trích khấu hao sai, hay không ghi khấu hao..., Đối với HTX tưới tiêu và đa lĩnh vực khi rà soát thuyết minh BCTC, có số liệu ghi nhận về tăng, giảm TSCĐ, nhưng HTX không tăng hoặc giảm trích khấu hao tương ứng, đặc biệt với các HTX tưới tiêu. Bên cạnh đó, nhiều HTX không phân loại nợ ngắn hạn, dài hạn; trình bày sai khoản mục nợ phải trả và nợ phải thu - ghi âm khoản khách hàng đặt trước tiền và trả trước cho người bán trên B01. Liên quan đến quỹ và lợi nhuận chưa phân phối, các sai sót chủ yếu do chênh lệch số liệu giữa các báo cáo (B01, B02, B09 và báo cáo tình hình tăng - giảm nguồn vốn) hoặc HTX phản ánh lợi nhuận và quỹ trên B01 sai, khi thời điểm lập BCTC là 31/12 chưa có quyết định phân phối lãi, tuy nhiên trên B01 đã phân phối hết lợi nhuận, chuyển sang nợ phải trả (quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả thành viên,...), cá biệt có HTX B01 không cân giữa tổng tài sản và tổng nguồn vốn.

(2) Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: sai phạm chủ yếu liên quan đến khoản mục doanh thu, giá vốn, lợi nhuận và chi phí thuế. Có 11,4% số HTX áp dụng sai nguyên tắc kế toán (áp dụng nguyên tắc tiền mặt) trong ghi nhận doanh thu (Bảng 5), các HTX này ghi doanh thu kỳ này cho số tiền nợ thu được từ kỳ trước, điều này dẫn đến doanh thu bị ghi nhận sai - không phù hợp với chi phí, kéo theo kết quả hoạt động cũng sẽ bị sai. Ngoài ra, có 13,64% số HTX phản ánh sai khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu;

Các sai phạm liên quan đến giá vốn là do hạch toán thiếu/không hạch toán giá vốn hàng bán của dịch vụ bơm tưới, số liệu giá vốn hàng bán giữa B02 với B09 và bảng cân đối tài khoản không khớp nhau. Liên quan đến chỉ tiêu lợi nhuận, 27,3% số HTX được đánh giá có dấu hiệu sai trong chỉ tiêu lợi nhuận (gồm cả trước thuế và sau thuế) do tính toán nhầm lẫn, do chênh lệch số liệu với bảng cân đối số phát sinh và thuyết minh BCTC. Một số HTX cũng được đánh giá có dấu hiệu của việc phản ánh sai chỉ tiêu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do chưa tính thuế đối với lợi nhuận từ hoạt động tín dụng, hoặc đã tính mà không ghi nhận vào

báo cáo; hoặc có HTX tính cả thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bơm tưới - dịch vụ được miễn thuế.

3.2.4. Công tác kiểm tra, kiểm soát trong hợp tác xã

Tỉ lệ các HTX lập mẫu biểu, báo cáo phục vụ cho công tác quản trị, quản lý HTX nói chung, quản lý tài chính nói riêng là tương đối cao, nhưng nội dung cũng như chất lượng của các báo cáo cũng còn nhiều vấn đề. Một số HTX còn cho rằng việc lập báo cáo để nộp theo yêu cầu bắt buộc của các cơ quan chức năng, bản thân HTX không sử dụng hoặc không hiểu rõ về các báo cáo. Với hệ thống BCTC, mặc dù tỉ lệ HTX trả lời có lập là khá cao, nhưng số lượng HTX cung cấp BCTC cho nhóm khảo sát mới chiếm gần 76%, trong số đó, tỉ lệ sai sót khá nhiều (Bảng 4, 5).

Phần lớn các HTX trả lời có xây dựng quy chế quản lý tài chính HTX và có giám sát công tác kế toán của HTX, với chủ thể thực hiện phần lớn là do ban kiểm soát (Bảng 6). Tuy nhiên, ban kiểm soát không có quy chế kiểm soát về công tác tài chính kế toán, không có báo cáo kiểm soát kế toán (Liên minh HTX An Giang, 2019). Ngoài ra, ban kiểm soát không được đào tạo/không có chuyên môn về công tác kế toán tài chính, do vậy việc kiểm tra kiểm soát cũng mới mang tính chất hình thức, không phát hiện được kịp thời các sai sót.

3.3. Đánh giá những tồn tại và đề xuất giải pháp vận dụng chế độ kế toán, ghi chép sổ sách và lập báo cáo tài chính trong các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh An Giang

3.3.1. Vấn đề nhân sự phụ trách công tác kế toán

Số lượng kế toán chuyên trách tại các HTX

còn hạn chế; tỉ lệ kiêm nhiệm cao, trong khi đó, tỉ lệ chưa qua đào tạo chuyên môn trên 40%. Đây có thể xem là nguyên nhân dẫn đến sai phạm trong công tác kế toán ở các HTX nông nghiệp hiện nay. Bên cạnh đó, bộ phận kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán tài chính của HTX chuyên môn yếu, chưa phát hiện được và chưa phát hiện kịp thời sai phạm. Với hạn chế này, trong ngắn hạn, việc tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ cho người phụ trách kế toán, kiểm tra kiểm soát công tác kế toán ở các HTX thông qua các lớp ngắn hạn, là cần thiết. Ngoài ra, việc nâng cao nhận thức cho ban quản lý HTX về tầm quan trọng của thông tin trên BCTC, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại HTX.

3.3.2. Bất cập và giải pháp cho công tác kế toán

Việc vận dụng chế độ kế toán chưa phù hợp, áp dụng sai nguyên tắc kế toán, không thống nhất về mẫu biểu, số liệu, sai về khoản mục, về giá, thậm chí bảng cân đối kế toán không cân... cho thấy sự thiếu sót về tính đúng kỳ, tính trung thực, hợp lý của các khoản mục trên BCTC của HTX nông nghiệp ở tỉnh An Giang (Bảng 7). Điều này dẫn đến các thông tin tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của HTX không còn trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các bên liên quan. Việc ra các quyết định trong quá trình SXKD của HTX; việc ra quyết định của các bên liên quan (như các tổ chức hỗ trợ, cơ quan quản lý nhà nước...) khi dựa vào các số liệu trên BCTC này cũng sẽ không đúng. Để khắc phục những tồn tại trên, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện tương ứng cho từng vấn đề phát hiện được như trình bày trên bảng 7.

Bảng 6. Số lượng các hợp tác xã khảo sát có lập các mẫu biểu báo cáo (2019)

| Nội dung | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---|----------|-----------|
| Lập báo cáo tài chính | 54 | 93,1 |
| Cung cấp báo cáo tài chính | 44 | 75,86 |
| Xây dựng quy chế quản lý tài chính hợp tác xã | 54 | 93,1 |
| Giám sát công tác kế toán tài chính | 47 | 81,03 |

Bảng 7. Ảnh hưởng của các sai sót và giải pháp

| Vấn đề phát hiện | Ảnh hưởng | Đề xuất giải pháp |
|--|--|--|
| Các sai sót chung | | |
| Áp dụng mẫu biểu không phù hợp | Mẫu biểu, báo cáo không thống nhất; thông tin về tình hình tài chính khó so sánh, đánh giá | Áp dụng chế độ kế toán theo TT24/2017 hoặc TT133/2016 của Bộ Tài chính. |
| Số lượng biểu mẫu báo cáo không đầy đủ | Việc cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của HTX cho các bên sẽ bị hạn chế | Lập đủ BCTC bắt buộc được ban hành bởi TT24/2017 hoặc TT133/2016 gồm B01, B02, B09 và bảng cân đối tài khoản; lập các báo cáo khác theo yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo HTX. |
| Áp dụng nguyên tắc tiền mặt trong ghi nhận doanh thu | Doanh thu sai theo hướng ghi không kịp thời của kì này hoặc ghi nhận của kì trước, lợi nhuận sai, chi phí thuế (nếu có) bị sai | Ghi nhận doanh thu kịp thời, đúng kì khi đã chuyển giao phần lớn rủi ro/quyền sở hữu hàng hóa cho người mua hoặc hoàn thành cung ứng dịch vụ; không căn cứ vào thời điểm thu tiền. |
| | Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu | |
| TSCĐ và Hao mòn lũy kế | Nguyên giá sai; hao mòn lũy kế sai; chi phí khấu hao sai; giá thành/giá vốn sai; kết quả kinh doanh sai | Mở sổ theo dõi chi tiết TSCĐ; kiểm kê định kỳ; Áp dụng phương pháp trích khấu hao nhất quán; Trích đúng, đủ khấu hao trong kỳ; |
| Nợ phải thu, phải trả | Tình hình tài sản và nghĩa vụ phải trả của HTX sai | Mở sổ theo dõi chi tiết công nợ theo đối tượng và thời hạn nợ; khi lập BCTC đánh giá tuổi nợ để đưa đúng vào nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Khách hàng đặt trước (dư có TK 131) <i>phân ánh</i> bên nợ phải trả (B01) ở mục “người mua trả tiền trước”; Dư nợ TK 331 <i>phân ánh</i> bên phần tài sản (B01) ở mục “Trả trước cho người bán”. |
| Các quỹ | Nợ phải trả và các quỹ bị sai; tổng nợ phải trả sai | Thời điểm lập BCTC (31/12) chưa hợp đại hội cổ đông đề ra quyết định phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ thì sẽ không ghi nhận nghiệp vụ này vào BCTC của năm đó. |
| LN chưa phân phối | Lợi nhuận sai; nguồn vốn bị sai | Phản ánh đúng lợi nhuận ở thời điểm 31/12 khi chưa có quyết định phân phối lãi. |
| | Sai sót chi tiết liên quan các khoản mục doanh thu, chi phí, lợi nhuận | |
| Doanh thu và các khoản giảm trừ | Doanh thu sai, lợi nhuận sai, chi phí thuế thu nhập (nếu có) sai | Ghi nhận doanh thu đầy đủ, đúng kì, đúng tài khoản, chi tiết theo từng nhóm hoạt động của HTX. |
| Giá vốn hàng bán | Sai giá vốn hàng bán (thiếu hoặc thừa) dẫn đến lợi nhuận sai; kết quả kinh doanh sai; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị sai | Phản ánh đầy đủ giá vốn hàng bán của các hoạt động/ dịch vụ mà HTX cung ứng; chi tiết theo từng sản phẩm, dịch vụ. |
| Lợi nhuận; chi phí thuế thu nhập | Lợi nhuận sai dẫn đến chi phí thuế thu nhập (nếu có) bị sai; khoản mục lợi nhuận sau thuế trên B01 sai; tổng nguồn vốn sai | Đảm bảo số liệu lợi nhuận tính toán đúng và khớp đúng/phù hợp giữa các báo cáo (B01, B02, B09 và bảng cân đối số phát sinh) vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo (31/12). |
| Sai sót chi tiết liên quan đến hạch toán | | |
| Phản ánh không đúng tình hình gửi tiền ngân hàng | Giảm tiền gửi ngân hàng; làm tăng nợ phải thu khác | Ghi đúng: Tăng tiền gửi ngân hàng/giảm tiền mặt. Điều chỉnh lại: Tăng tiền gửi ngân hàng/giảm nợ phải thu. |
| Phản ánh không đúng lãi tiền gửi ngân hàng | Sai doanh thu hoạt động tài chính và tiền gửi ngân hàng từ đó dẫn đến sai lợi nhuận; sai thuế phải nộp | Ghi đúng: Tăng tiền gửi ngân hàng hoặc tiền mặt/ tăng doanh thu tài chính. |
| Hạch toán sai nghiệp vụ dịch vụ thuê máy làm đất cho thành viên | Sai giá thành; giá vốn; doanh thu từ cung cấp dịch vụ | Ghi đúng: Tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang/tăng phải trả (thuê máy). Tăng giá vốn/Giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; Tăng phải thu/ tăng doanh thu (cung cấp dịch vụ làm đất). |
| Hạch toán sai chi phí sản xuất, giá vốn hàng bán của sản phẩm gạo. | Làm giảm hàng tồn kho; tăng giá vốn hàng bán và chi phí trong kỳ; làm giảm lợi nhuận dẫn đến sai kết quả kinh doanh trong kỳ; giảm thuế phải nộp | Ghi đúng: Tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang/giảm các vật tư xuất dùng...; tăng hàng tồn kho/giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. |

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh được phản ánh trên BCTC luôn có vai trò quan trọng trong việc đưa ra các quyết định kịp thời trong hoạt động SXKD của HTX (López & cs., 2011). Trước hết nó liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ của HTX với nhà nước (nộp thuế, báo cáo) và phân chia lợi nhuận cho thành viên, phân phối các quỹ. Cao hơn, nó sẽ là công cụ cung cấp các thông tin để nhà quản trị quản lý tài chính hiệu quả hơn. Việc minh bạch hóa thông tin sẽ tạo sự tin tưởng của thành viên vào hoạt động của HTX từ đó tạo sự gắn kết trong thành viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy kế toán ở HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang vẫn còn nhiều hạn chế, sai sót như: áp dụng chế độ kế toán không phù hợp, sai nguyên tắc kế toán, thiếu chứng từ và sổ chi tiết, tính toán và trình bày sai thông tin trên BCTC.

Để khắc phục những tồn tại này, cần tập trung vào một số nội dung sau: (i) Tập huấn, đào tạo cho ban lãnh đạo HTX, ban kiểm soát để nâng cao năng lực điều hành và nhận thức về tầm quan trọng của thông tin kế toán - tài chính cho việc ra quyết định; (ii) Các nội dung tập huấn, đào tạo cần tập trung nâng cao về xây dựng phương án SXKD, tiếp cận thị trường, kiến thức và thực hành quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, kế toán; (iii) Đối tượng tập huấn ưu tiên: Ban kiểm soát, Kế toán HTX và Ban quản lý HTX; (iv) Thường xuyên hoặc định kỳ thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX và phân loại các HTX từ đó có các chính sách hỗ trợ phù hợp với từng nhóm, từng đối tượng nhằm phát huy năng lực nội tại của HTX, tháo gỡ đúng khó khăn cho HTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2017). Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 về việc hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2020. Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/04/Sach-Trang-HTX-2020.pdf> ngày 20/4/2021.
- Báo Nông nghiệp (2020). An Giang phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác xã kiểu mới. truy cập tại <https://www.angiang.dcs.vn/Lists/KinhTe/DispForm.aspx?ID=139&ContentTypeId=0x01006B434E144EA34B09B66CBCE45AAE3E9100BE17C099E2D3AD479DA3FCD8D1E319C8> ngày 2/5/2021.
- Đào Thế Anh & Lê Thành Ý (2020). Hỗ trợ phát triển HTX Nông nghiệp: Một số giải pháp thiết thực cần trao đổi. Truy cập tại <http://vca.org.vn/ho-tro-phat-trien-htx-nong-nghiep-mot-so-giai-phap-thiet-thuc-can-trao-doi-a20974.html> ngày 2/5/2021.
- Đoàn Thị Hân (2020). Khó khăn trong tổ chức công tác kế toán tại Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán. 201: 55-57.
- Hạnh Châu (2019). An Giang phát triển kinh tế tập thể. Truy cập tại <http://www.angiang.gov.vn/wps/portal/Home/home/xem-chi-tiet/an-giang-phat-trien-kinh-te-tap-the> ngày 2/5/2021.
- López A.R., Antonio J.M.N. & Rodríguez G.S.R. (2011). Accounting reform of agricultural cooperatives: A boost to improve efficiency of accounting system of financial information. *African Journal of Agricultural Research*. 6(25): 5600-5605. DOI: 10.5897/AJAR11.495. ISSN 1991-637X
- Mai Anh Bảo (2015). Đánh giá tác động của các yếu tố nội sinh đến kết quả hoạt động của các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp ở đồng bằng Sông Hồng. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Nguyễn Văn Hòa (2020). Nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp. Tạp chí Tài chính.
- Nguyễn Thị Phương Thảo & Nguyễn Thị Yến Nhi (2019). Tổ chức công tác kế toán hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tạp chí Tài chính. Kỳ 1 tháng 12/2019.
- UNDP (2012). Sự phát triển của Hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội. Báo cáo nghiên cứu RS-04. Nhà xuất bản Tri thức. ISBN: 978-604-908-626-7.